TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ -ST
Ngày 02/5/2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;
2/. Ông Mai Quốc B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77 ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị N N L, sinh năm 2002;
Địa chỉ: ấp 2B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2/. Bị đơn: AnhĐ P Đ, sinh năm 2002;
Địa chỉ: ấp 8B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
Chị L có đơn xin vắng mặt, anhĐ vắng mặt lần 2 tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị N N L trình bày: Chị với anhĐ P Đ làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2022, còn ngày tháng thì không nhớ, không có đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị yêu cầu ly hôn với anhĐ P Đ.

Bị đơn anhĐ P Đ vắng mặt mặc dù được Tòa án nhân dân huyện Phước Long triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị N N L và anhĐ P Đ là vợ chồng.

+ Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Án phí: chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N N L kiện anhĐ P Đ về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn xin vắng mặt, anhĐ vắng mặt lần 2 tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt chị L, anhĐ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N N L xác định, chị với anhĐ P Đ làm đám cưới và sống chung với nhau năm 2022, nhưng không có đăng ký kết hôn và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng". Nay chị L có đơn yêu cầu ly hôn với anhĐ P Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị L và anhĐ không được pháp luật thừa nhận, vì vậy Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Phước Long căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị N N L và anhĐ P Đ có quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị N N L, chị và anhĐ P Đ chưa có con chung nên chị L không có yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của chị L thì chị và anhĐ không có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ chị và anh; chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị N N L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N N L, tuyên bố tuyên bố không công nhận chị N N L và anhĐ P Đ có quan hệ vợ chồng.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị N N L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006414 ngày 21 tháng 11 năm 2023 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. AnhĐ P Đ không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khc;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T